| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 251/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Phạm Thành Trại.
2. Ông Nguyễn Văn Máy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hoàng Lan Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 799/2018/TB-TLVA ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lương Chí D, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị L có mặt, anh D vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 26 tháng 11 năm 2018 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày: Chị và anh Lương Chí D tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện MCN, tỉnh Bến

Tre. Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Lương Thị Q sinh ngày 04/01/2004 và Lương Thị Y sinh ngày 20/6/2009. Vợ chồng chung sống tạo lập được tài sản gồm 01 xe máy hiệu Honda Dream biển số 63V4 – 1796 và 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 62V – 6462, 01 lượng vàng 24K; không có nợ chung. Vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi mắng vợ con, anh D còn nhiều lần đánh đập chị, chị không chung sống được với anh D nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ giữa năm 2018 đến nay. Sau đó, chị về thăm con thì phát hiện cháu Q bị anh D đánh đập rất nhiều do cháu bỏ nhà đi nên chị dẫn cháu Q cùng đi với chị. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q, giao cháu Y cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16 tháng 01 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Chí D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, cách đây hơn 01 năm, chị L đi đám có uống rượu về nhà ngủ và chơi điện thoại mà không lo cơm cho gia đình nên anh có cự cãi, từ đó, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột chị L sống. Sau đó khoảng 07 tháng, cháu Q hư hỏng, bỏ nhà đi, anh giận có bắt về và đánh cháu, chị L thấy vậy nên mới về dẫn cháu Q đi. Thời gian sống ly thân, anh có đến rước chị L vài lần nhưng chị L không về nên anh không đến rước nữa. Nay, đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, anh không đồng ý ly hôn để vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con. Về con chung, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y, giao cháu Q cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lương Chí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.2.1] Chị Lê Thị Kim L và anh Lương Chí D tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 15/7/2003. Như vậy, chị L và anh D có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim L và anh Lương Chí D là hợp pháp.

[2.2.2] Chị L yêu cầu ly hôn với anh D vì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi bới và đánh đập chị vô cớ nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh D. Anh D không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh những mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình nhưng chỉ là những mâu thuẩn nhỏ. Qua kết quả xác minh, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh D do anh D nhậu về nhà kiếm chuyện quậy vợ con nhưng không có đánh chị L. Như vậy, lời trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn là có phần phù hợp với kết quả xác minh này. Đồng thời, chị L và anh D trình bày thống nhất cả hai đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay nhưng vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh D không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Lương Chí D thống nhất hai cháu Lương Thị Q sinh ngày 04/01/2004 và Lương Thị Y sinh ngày 20/6/2009 là con chung của chị L và anh D và hiện cháu Q đang sống chung với chị L, cháu Y đang sống chung với anh D. Đồng thời, chị L và anh D cũng thống nhất giao cháu Q cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Y cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian chị L và anh D sống ly thân, các con đã được chị L, anh D chăm sóc chu đáo. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của các con, đồng thời có xem xét nguyện vọng của các con, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Kim L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Lương Chí D.

- Về con chung: Giao con chung tên Lương Thị Q sinh ngày 04/01/2004 cho chị Lê Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lương Thị Y sinh ngày 20/6/2009 cho anh Lương Chí D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lương Chí D và chị Lê Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lương Chí D và chị Lê Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Kim L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009102 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- UBND x. ĐT , h.MCN – BT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Trúc**